

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

(Giấy CNĐKKD: 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005,
thay đổi lần 5 ngày 11/1/2016)

Bản thông tin tóm tắt này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày/...../..... tại:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ : Số 55 – Đường Tô Hiệu – Tp. Sơn La – T.Sơn La
Điện thoại : 022.3854.934 Fax: 022.3854.539
Website : www.capnuocsonla.vn



Giá trị tích lũy niềm tin

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

Trụ sở chính : Số 2A, Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : 04 3726 2222 Fax: 04 3726 2305
Website : www.shbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Trần Quyết Chiến

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Điện thoại: 0223.852.533



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

(Giấy CNĐKDN: 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, thay đổi lần 5 ngày 11/1/2016)

ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La
- Loại cổ phiếu: Phổ thông
- Mã cổ phiếu/trái phiếu:
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phiếu: 6.059.630 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu (theo mệnh giá): 60.596.300.000 đồng

➤ **Tổ chức Kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán A&C**

- Trụ sở chính : Số 2 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 35472972 Fax: 08 35472970

➤ **Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB**

- Trụ sở chính : Số 2A, Phạm Sư Mạnh, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
- Điện thoại : 04 3726 2222 Fax: 04 3726 2305

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG..... | 5 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 5 |
| 2. Ngành nghề kinh doanh..... | 8 |
| 3. Cơ cấu tổ chức Công ty..... | 9 |
| 4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty..... | 9 |
| 5. Danh sách cổ đông..... | 12 |
| 6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và Công ty liên kết..... | 13 |
| 7. Hoạt động kinh doanh..... | 13 |
| 8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2015 và năm 2016:..... | 14 |
| 9. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC năm 2015 và năm 2016 được kiểm toán | 15 |
| 10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:..... | 16 |
| 11. Chính sách đối với người lao động:..... | 17 |
| 12. Chính sách cổ tức..... | 17 |
| 13. Tình hình hoạt động tài chính..... | 18 |
| 14. Tài sản (<i>Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty</i>)..... | 20 |
| 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017..... | 28 |
| 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện..... | 28 |
| 17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh..... | 28 |
| 18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty..... | 29 |
| II. QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 29 |
| 1. Cơ cấu, thành phần Hội đồng quản trị..... | 29 |
| 2. Cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát..... | 35 |
| 3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng..... | 38 |
| VII. PHỤ LỤC..... | 39 |
| 1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp..... | 39 |
| 2. Phụ lục II: Điều lệ công ty..... | 39 |
| 3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính năm 2015 và năm 2016 đã kiểm toán..... | 39 |

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ

| | |
|---|----|
| Bảng 1: Quá trình tăng vốn | 8 |
| Bảng 2: Ngành nghề kinh doanh..... | 8 |
| Sơ đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty | 9 |
| Sơ đồ 4: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty..... | 9 |
| Bảng 5: Danh sách thành viên HĐQT | 10 |
| Bảng 6: Danh sách thành viên BKS..... | 10 |
| Bảng 7: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc..... | 11 |
| Bảng 8: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần..... | 12 |
| Bảng 9: Cơ cấu cổ đông | 12 |
| Bảng 10: Doanh thu và lợi nhuận qua các năm..... | 14 |
| Bảng 11: Chi phí sản xuất qua các năm | 14 |
| Bảng 12: Cơ cấu lao động | 17 |
| Bảng 13: Các khoản nợ phải thu | 18 |
| Bảng 12: Các khoản phải trả..... | 19 |
| Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính | 20 |
| Bảng 16: Tài sản cố định của Công ty thời điểm 30/9/2016..... | 21 |
| Bảng 17: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017 | 28 |
| Bảng 18: Danh sách thành viên HĐQT..... | 29 |
| Bảng 19: Danh sách thành viên BKS..... | 35 |
| Bảng 20: Danh sách thành viên BGD và KTT | 38 |

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty đại chúng

1.1.1. Thông tin chung

- ❖ Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La
- ❖ Tên tiếng anh : Son La Water Supply Joint Stock Company
- ❖ Tên viết tắt : **SOWASUCO**
- ❖ Trụ sở chính : Số 55 – Đường Tô Hiệu – Tp. Sơn La – T.Sơn La
- ❖ Điện thoại : 022.3854.837
- ❖ Fax : 022.3854.539
- ❖ Logo : 
- ❖ Web : Capnuocsonla.vn
- ❖ Email : Sowasucom@gmail.com
- ❖ Giấy chứng nhận ĐKKD : 5500154649
- ❖ Vốn điều lệ : 60.596.300.000 đồng

1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển:

- Được thành lập năm 1963, Nhà máy sản xuất nước sạch đầu tiên phục vụ cho thị xã Sơn la đã hoàn thành và đưa vào khai thác sau 2 năm tiến hành xây dựng. Ban đầu, nhà máy này chỉ có công suất khoảng 1.200 m³/ngày, theo dây chuyền công nghệ xử lý nước của Liên xô cũ, phục vụ các cơ quan và dân cư thị xã, hình thức cấp nước chủ yếu là qua các vòi công cộng đặt trên các trục đường chính của thị xã.
- Năm 1984, UBND tỉnh quyết định đầu tư nâng cấp nhà máy xử lý và lắp đặt thêm đường ống truyền dẫn. Ban quản lý công trình được thành lập để triển khai cải tạo nhà máy nước theo thiết kế của Bộ xây dựng, vẫn với dây chuyền công nghệ xử lý nước như cũ, còn đường ống sử dụng vật liệu sản xuất trong nước. Việc cải tạo hoàn tất vào cuối năm 1988 nhà máy được nâng công suất lên 2.400 m³/ngày.
- Thập niên 90, quy hoạch thị xã Sơn la phát triển nhanh chóng, nhất là theo hướng dọc quốc lộ 6 và Huổi Hin. Đời sống của dân cư cũng phong phú hơn nên nhu cầu dùng nước tăng rất cao. Xí nghiệp nước lúc đó đã phải thực hiện việc cải tạo mạng lưới đường ống, lắp đặt đồng hồ đo nước thay thế cho các vòi nước công cộng. Đồng thời lại tiếp tục lập Luận chứng KTKT để đề nghị nhà nước đầu tư nâng cấp toàn bộ hệ thống.

- Đến cuối năm 1995, sau khi hoàn thành dây chuyền lắng lọc bổ sung và cải tạo trạm bơm cấp 2, nhà máy nước Bó cá được nâng công suất lên 5.000 m³/ngày. Các tuyến ống truyền dẫn cũng được lắp đặt theo các tuyến đường Chu Văn Thịnh, Quốc lộ 6, Huổi Hin... và đồng thời các nhánh phân phối cũng ngày càng được kéo dài thêm. Ngoài ra, để giải quyết vấn đề nguồn nước, các giếng khoan nước ngầm tại KM5, KM7, Huổi Hin... cũng được đưa vào khai thác để cung cấp cho các vùng ngoại vi thị xã.
- Năm 1997, thông qua một tiểu dự án của Chương trình phục hồi các nhà máy nước bằng vốn vay OECF Nhật bản, mạng lưới cấp nước của thị xã được bổ sung thêm 9 km và khép kín toàn địa bàn. Đến lúc này, chất lượng nước đã khá đảm bảo vệ sinh, thiết bị đo đếm đã được lắp đặt cho 100% khách hàng dùng nước, tuy nhiên khả năng đáp ứng nhu cầu cấp nước theo đà phát triển của quy hoạch đô thị chưa giải quyết được.
- Đối với tình hình quản lý ngành nước trong tỉnh: Trước năm 1993, UBND các huyện đã thành lập và trực tiếp quản lý các tổ phục vụ cấp nước cho từng thị trấn, với quy mô hoạt động rất nhỏ và công nghệ lạc hậu. Khi triển khai Nghị định 388/HĐBT của Chính phủ, Công ty đã từng bước tiếp nhận các bộ phận cấp nước này, từng bước đầu tư cải tạo nâng cấp, nâng cao dần chất lượng cung cấp dịch vụ và tiến tới ổn định sản xuất kinh doanh. Đến nay, đã trực tiếp quản lý các Chi nhánh cấp nước của 11/12 thị trấn trong tỉnh và đang là một trong số các Công ty cấp nước trong toàn quốc thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này.
- Năm 1998 có thể coi là một bước ngoặt lớn trong cả chặng đường xây dựng và phát triển của ngành cấp nước đô thị tỉnh Sơn La, được đánh dấu bằng sự ổn định trong sản xuất kinh doanh và khởi đầu cho dự án Hiện đại hoá hệ thống cấp nước thị xã.
- Công suất cấp nước: từ 12.000 tăng lên 40.000 m³/ngày, đủ khả năng phục vụ cho nhu cầu sử dụng của các đô thị trong tỉnh.
- Địa bàn hoạt động: bao gồm các phường nội thị và tiểu khu ven thị xã cùng với 10 thị trấn, 04 thị tứ khác. Với quy mô từ 8.500 hộ dùng nước (1998) tăng lên trên 47.000 hộ (năm 2016), tương đương 170.000 dân (trong đó 95% dân cư đô thị được cấp nước sạch).
- Sản lượng nước thương phẩm: Năm 2016 đạt sản lượng 10.2 triệu m³.
- Tỷ lệ thất thoát nước: Trong khoảng 4 năm gần đây công ty đã cải tạo lại hệ thống mạng lưới, tỷ lệ thất thoát nước hiện nay khoảng 15%.
- Lao động, việc làm và thu nhập: do mở rộng địa bàn phục vụ và năng động trong kinh doanh, đã đảm bảo việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định ở mức 8.200.000 đ/người/tháng cho 273 lao động.
- Do điểm xuất phát về mặt công nghệ và quy mô cấp nước còn rất thấp nên Công ty luôn chú trọng tìm nguồn vốn để đầu tư các dự án nhằm tăng cường năng lực sản xuất. Cho đến nay, doanh nghiệp đã thực hiện các dự án sau:
 - + Hệ thống cấp nước Mai Sơn: 5.000 m³/ngày, vốn OECF Nhật, hoàn thành tháng 9/2000.
 - + Hệ thống cấp nước thị xã: 10.000 m³/ngày, vốn ODA Pháp, vận hành từ tháng 4/2003.

- + Hệ thống cấp nước Phù Yên: 2.300 m³/ngày, vốn dự án 747, vận hành từ tháng 1/1999.
- + Hệ thống cấp nước thị tứ Chiềng Sinh: vốn tự huy động, hoàn thành cuối năm 2001.
- + Hệ thống cấp nước huyện lỵ Mộc Châu: 1.500 m³/ngày, vốn vay JBIC, hoàn thành năm 2005.
- + Hệ thống cấp nước Mường La 1.500 m³/ngày vốn tự huy động hoàn thành năm 2005.
- + Hệ thống cấp nước Quỳnh Nhai 1.500 m³/ngày đêm vốn tự huy động hoàn thành năm 2007.
- + Hệ thống cấp nước Nậm La 2.500 m³/ngày đêm với áp lực cao 11 bar, vốn tự huy động, hoàn thành năm 2011.
- Trải qua hơn 50 năm với nhiều bước thăng trầm, ngành cấp nước đô thị Sơn la giờ đây đã có nhiều bước phát triển, dịch vụ đảm bảo chất lượng. Được sự quan tâm trực tiếp của các cấp lãnh đạo Đảng, Chính quyền và đoàn thể trong tỉnh, tập thể công nhân viên chức và lao động trong doanh nghiệp quyết tâm phấn đấu để duy trì ổn định và tiếp tục phát triển, nhằm đóng góp vào công cuộc Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước.
- Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La là một trong số các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, nay được từng bước chuyển sang hoạt động kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết TW 3 từ 1/5/2005 công ty chính thức hoạt động với tên mới Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La, có nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của cán bộ và nhân dân trên địa bàn thị xã và các thị trấn huyện lỵ trong toàn tỉnh. Trong giai đoạn từ 1998 đến nay, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền trong tỉnh, nhờ phát huy được sức mạnh của tập thể người lao động trong đơn vị, hoạt động của Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực, được các cơ quan quản lý cũng như đại đa số khách hàng sử dụng nước ghi nhận.
- Khác với nhiều đồng nghiệp ở các địa phương, Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La chỉ thực hiện nhiệm vụ cấp nước cho các đô thị và cụm dân cư tập trung trong tỉnh (gồm cả các thị trấn huyện), còn nhiệm vụ thoát nước được tỉnh giao cho Công ty Môi trường Đô thị.
- Thông tin chủ yếu về hoạt động của doanh nghiệp năm 2016 như sau:
 - + Công suất thiết kế : 40.000 m³/ngày; Công suất khai thác: 33.000 m³/ngày
 - + Số địa bàn quản lý : Thành phố Sơn La + 10 Thị trấn + 4 Thị tứ
 - + Tổng số khách hàng : 47.000 đồng hồ các loại (tương đương 190.000 dân, chiếm 95% dân số đô thị của tỉnh)
 - + Sản lượng nước ghi thu : 10,2 triệu m³; Doanh thu tiền nước: 109,8 tỷ đồng
 - + Tỷ lệ thất thoát nước : 15%.
 - + Thu nhập bình quân : 8,2 triệu đồng/người/tháng

1.1.3. Quá trình tăng vốn

Quá trình tăng vốn của Công ty từ thời điểm cổ phần hóa đến nay như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn

Đơn vị tính: đồng

| Phương thức tăng vốn | Thời điểm | Vốn tăng thêm | Vốn điều lệ sau khi tăng |
|--|------------|----------------|--------------------------|
| Hoàn thành cổ phần hóa | 18/4/2005 | | 41.599.500.000 |
| Bổ sung vốn Nhà nước theo Quyết định số 2738/QĐ-UBND | 9/11/2006 | 10.883.109.760 | 52.482.609.760 |
| Bổ sung vốn Nhà nước theo Quyết định số 1747/QĐ-UBND | 17/7/2008 | 3.756.297.997 | 56.238.907.757 |
| Bổ sung vốn Nhà nước theo kết luận thanh tra 3155/KL-UBND | 31/12/2009 | 1.857.385.638 | 58.096.293.395 |
| Bổ sung vốn Nhà nước theo Quyết định phân bổ vốn đầu tư XDCB số 2171 | 27/9/2013 | 2.500.000.000 | 60.596.293.395 |
| Làm tròn tăng vốn nhà nước cho khớp với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 31/12/2015 | 6.605 | 60.596.300.000 |
| Vốn điều lệ hiện tại | | | 60.596.300.000 |

Nguồn: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 5500154649 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/04/2005, cấp thay đổi lần 5: ngày 11/01/2016 ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

Bảng 2: Ngành nghề kinh doanh

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|--|
| 1 | Khai thác, xử lý và cấp nước; | 3600 |
| 2 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công công trình cấp nước đô thị và nông thôn; | 4390 |
| 3 | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước; | 9321 |
| 4 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây dựng các công trình dân dụng; | 4290 |
| 5 | Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước; | 7020 |
| 6 | Xây dựng nhà các loại; | 4100 |
| 7 | Sản xuất, kinh doanh nước sạch; sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình. | Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

Nguồn: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Công ty hiện có trụ sở chính, các xí nghiệp và các chi nhánh.

❖ Trụ sở chính của Công ty

Công ty đặt trụ sở chính tại số 55, Đường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La. Được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, trụ sở chính là nơi làm việc, tổ chức họp của các cơ quan quan trọng của Công ty. Bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc điều hành và các phòng ban chức năng.

❖ Các xí nghiệp

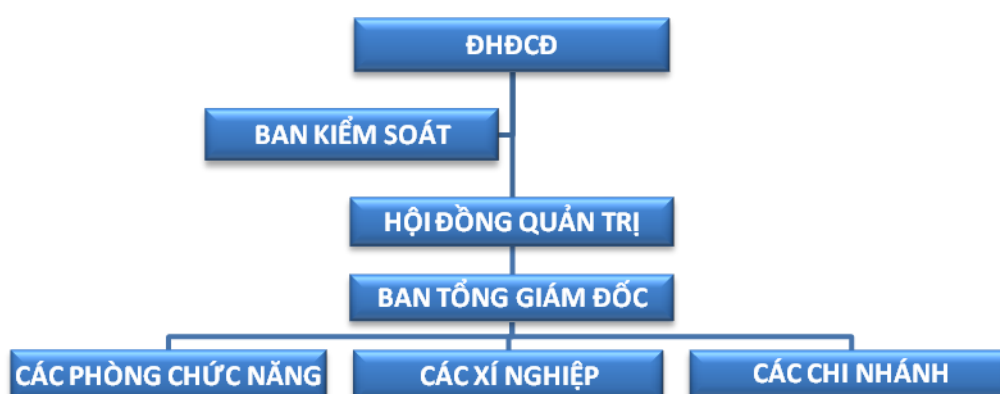
Công ty có 04 xí nghiệp: Xí nghiệp cấp nước 1, Xí nghiệp cấp nước 2, Xí nghiệp xây lắp; Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn.

❖ Các chi nhánh tại các thị trấn huyện

Hiện công ty có 9 chi nhánh tại các thị trấn huyện, bao gồm: Chi nhánh cấp nước Yên Châu; Chi nhánh cấp nước Mộc Châu; Chi nhánh cấp nước Phù Yên; Chi nhánh cấp nước Bắc Yên; Chi nhánh cấp nước Thuận Châu; Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp; Chi nhánh cấp nước Sông Mã; Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai; Chi nhánh cấp nước Mường La;

4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Sơ đồ 4: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

❖ Hội đồng quản trị

HĐQT Công ty gồm 07 thành viên do ĐHCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có hai Đại diện theo Pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Bảng 5: Danh sách thành viên HĐQT

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|-------------------|
| 1. | Ông Nguyễn Trọng Hiếu | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông Lương Thế Công | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. | Ông Nguyễn Văn Bá | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông Bùi Văn Đính | Thành viên HĐQT |
| 5. | Ông Nguyễn Tiến Hán | Thành viên HĐQT |
| 6. | Ông Nguyễn Văn Hồng | Thành viên HĐQT |
| 7. | Ông Hoàng Sỹ Thành | Thành viên HĐQT |

Nguồn: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

❖ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát: là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Bảng 6: Danh sách thành viên BKS

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|----------------------|
| 1. | Ông Trần Quyết Chiến | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. | Bà Giang Hồng Hạnh | Thành viên BKS |
| 3. | Ông Bùi Hồng Nam | Thành viên BKS |

Nguồn: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền.

Bảng 7: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|-------------------|
| 1. | Ông Bùi Văn Đính | Tổng Giám đốc |
| 2. | Ông Lương Thế Công | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông Nguyễn Văn Bá | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Ông Nguyễn Tiến Hán | Phó Tổng Giám đốc |

Nguồn: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

❖ Các phòng chức năng

- ✓ **Phòng kế hoạch kỹ thuật:** Giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành kế hoạch và kỹ thuật sản xuất và kinh doanh nước sinh hoạt, nước uống đóng bình, giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành các dự án đầu tư xây lắp công trình.
 - ✓ **Phòng quản lý chất lượng:** Kiểm soát chất lượng nước sinh hoạt và nước tinh khiết tại thành phố, hướng dẫn, kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn các chi nhánh thuộc công ty. Tham mưu giúp việc trong công tác cấp nước an toàn.
 - ✓ **Phòng Tài chính kế toán:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý các hoạt động Tài chính như: quản lý vốn và sử dụng vốn; quản lý tài sản, sử dụng tài sản; quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh; quản lý sử dụng và phân phối lợi nhuận; lập, tổ chức thực hiện kế hoạch Tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán; và thực hiện nghĩa vụ thuế trong toàn Công ty với Nhà nước.
 - ✓ **Phòng Quản lý khách hàng:** Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khách hàng sử dụng nước toàn công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác chỉ đạo chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý và kiểm định đồng hồ đo nước.
 - ✓ **Phòng Kiểm toán nội bộ:** Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các hoạt động tài chính kế toán nội bộ, kiểm tra, xác nhận và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ công ty. Chức năng thư ký ISO 9001:2008 & ISO 22000-2005.
 - ✓ **Phòng Tổ chức hành chính:** Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tổ chức – nhân sự của Công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực hành chính của Văn phòng Công ty.
- ### ❖ Các xí nghiệp
- ✓ **Xí nghiệp cấp nước 1:** Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán, quản lý và tổ chức các dịch vụ bơi lội.

- ✓ **Xí nghiệp cấp nước 2:** Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.
 - ✓ **Xí nghiệp xây lắp:** Tổ chức thi công, xây dựng các công trình dự án của công ty, lắp đặt công trình cấp nước phát triển khách hàng mới, cung ứng vật tư để phục vụ công tác sản xuất nước lọc tinh khiết như: bình, nhãn mác, vòi, sản xuất nước uống tinh khiết và quản lý kho nước thành phẩm, tiêu thụ sản phẩm nước tinh khiết.
 - ✓ **Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn:** Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.
- ❖ **Các chi nhánh cấp nước tại thị trấn huyện**
- Các chi nhánh tại thị trấn huyện:** Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

5. Danh sách cổ đông

Bảng 8: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

| TT | Tên cổ đông | Số CMND /HC/GCNĐK DN | Địa chỉ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ |
|------------------|---|----------------------|---|-------------------------|-------------------------------|
| 1 | Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La | | | 3.090.410 | 51% |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam | 0106517006 | Tầng 6, tòa nhà 57, Trần Quốc Toản, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 2.229.270 | 36,8% |
| Tổng cộng | | | | 4.590.410 | 87,8% |

Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La

Bảng 9: Cơ cấu cổ đông

| TT | Cơ cấu vốn | Cổ phần nắm giữ | Giá trị nắm giữ | Tỷ lệ |
|------------------|---|------------------|-----------------------|-------------|
| 1 | Vốn Nhà nước (UBND tỉnh Sơn La quản lý) | 3.090.410 | 30.904.100.000 | 51% |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Việt Nam | 2.229.270 | 22.292.700.000 | 36,8% |
| 3 | Cổ đông cá nhân khác trong nước (242 cổ đông) | 739.950 | 7.399.500.000 | 12,2% |
| Tổng cộng | | 6.059.630 | 60.596.300.000 | 100% |

Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La

6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La có 01 công ty liên kết, thông tin về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết: Công ty Cổ phần VBIC Sơn La

Địa chỉ: 55 Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

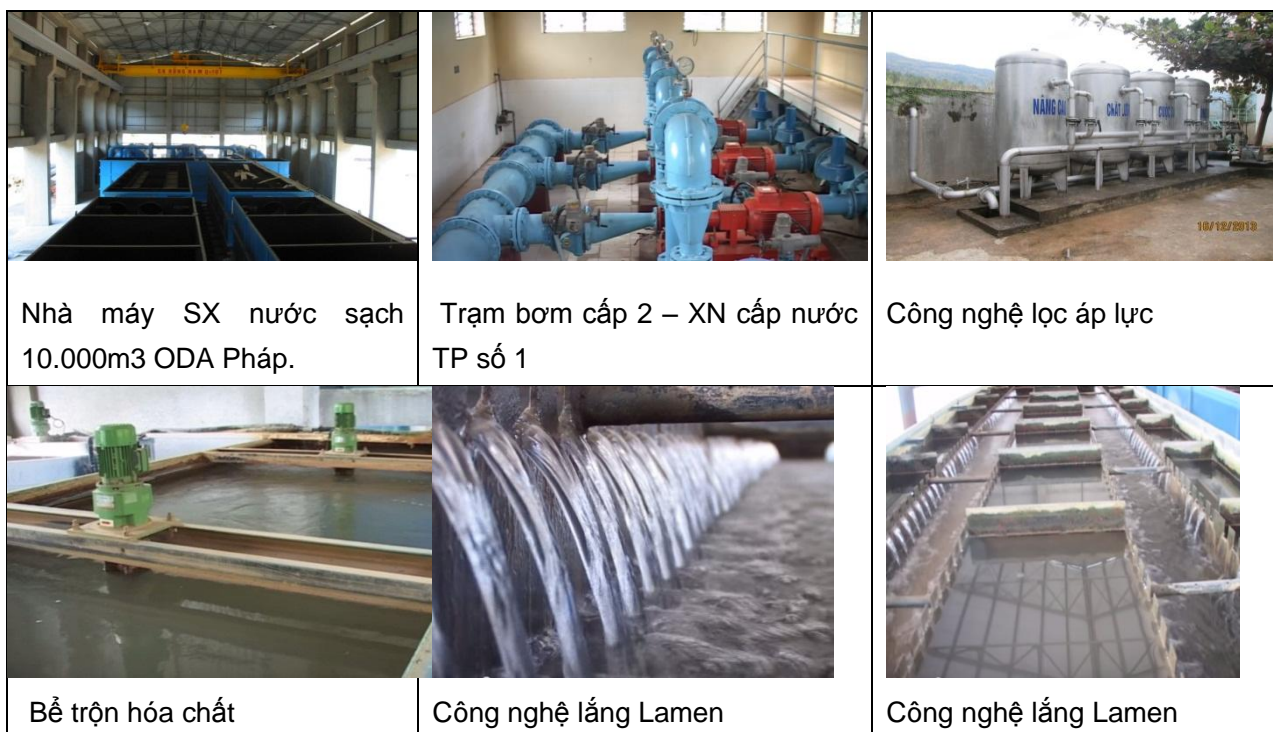
Vốn điều lệ đã góp tại Công ty Cổ phần VBIC Sơn La: 8.000.000.000 đồng, tỷ lệ: 28,57%

7. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của công ty đã đăng ký kinh doanh là: khai thác, xử lý, cấp nước sạch và nước sinh hoạt; xây dựng các công trình dân dụng; Sản xuất kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành nước.

Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La có 2 sản phẩm chính cung cấp cho thị trường là: nước sạch dùng cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và nước tinh khiết mang nhãn hiệu SOWA. Ngoài ra, công ty có doanh thu từ các hoạt động khác như: Lắp đặt nhỏ, dịch vụ bể bơi ... tuy nhiên, doanh thu từ các hoạt động này chiếm tỷ trọng không cao.

Một số hình ảnh về công nghệ và sản phẩm chính của Công ty





Nhà xưởng SX nước lọc

Công nghệ lọc áp lực

Công nghệ SX nước lọc

Công nghệ SX nước lọc

Sản phẩm nước lọc

Thương hiệu nước lọc

Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2015 và năm 2016:

8.1. Chỉ số doanh thu và lợi nhuận

Bảng 10: Doanh thu và lợi nhuận qua các năm

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | N2014 | N2015 | N2016 |
|---|-----------------|-----------------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 126.343.072.380 | 131.270.174.697 | 139.897.771.012 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 88.337.311.582 | 107.668.449.366 | 117.127.127.993 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 338.236.036 | 6.669.381.467 | 13.169.727.870 |
| Lợi nhuận khác | 791.184.792 | 1.492.228.975 | 459.549.609 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.129.420.828 | 8.161.610.442 | 13.629.277.479 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.129.420.828 | 7.484.762.760 | 12.859.988.271 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 194 | 1.173 | 2.016 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Cấp nước Sơn La)

8.2. Chi phí sản xuất

Bảng 11: Chi phí sản xuất qua các năm

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | N2014 | N2015 | N2016 |
|----------|-------|-------|-------|
|----------|-------|-------|-------|

| CHỈ TIÊU | N2014 | N2015 | N2016 |
|--|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng bán | 72.280.285.776 | 88.157.635.589 | 90.779.608.339 |
| Chi phí tài chính | 5.494.502.215 | 4.784.798.056 | 2.870.055.708 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 1.249.560.916 | 1.183.304.694 | 937.553.921 |
| Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | - | - | - |
| Chi phí bán hàng | - | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10.261.263.619 | 8.140.456.631 | 10.351.819.535 |
| Chi phí khác | 20.211.594 | 35.528.008 | 1.405.436 |
| Tổng chi phí | 88.056.263.204 | 101.118.418.284 | 104.002.889.018 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Cấp nước Sơn La)

9. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC năm 2015 và năm 2016 được kiểm toán

❖ Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC năm 2015 đã được kiểm toán

Trích trang số 05 của BCTC năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La:

“Chúng tôi không được cung cấp tài liệu về các khoản vay ODA cho dự án Jbic Mộc Châu và dự án Cấp thoát nước Yên Châu (xem thuyết minh số V.10b) với số tiền lần lượt là 7.844.942.884 VND và 7.958.887.630 VND. Do vậy chúng tôi cũng không xác định được tính đầy đủ và hợp lý của các khoản vay trên cũng như lãi vay phải trả tương ứng.

Số dư của tài sản cố định khác (xem thuyết minh V.6) với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.911.751.840 VND và 1.375.294.745 VND là chênh lệch của tài sản từ giai đoạn cổ phần hóa. Chúng tôi không có đủ căn cứ để xác định tính đầy đủ và hợp lý của các tài sản trên.

Số liệu đang phản ánh trên báo cáo tài chính là số liệu của Văn phòng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chưa bao gồm số liệu của các đơn vị phụ thuộc.”

❖ Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC năm 2016 đã được kiểm toán

Trích trang số 05 của BCTC năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La:

“Chúng tôi không được cung cấp tài liệu về các khoản vay ODA cho dự án Jbic Mộc Châu và dự án Cấp thoát nước Yên Châu (xem thuyết minh số V.14b) với số tiền lần lượt là 7.844.942.884 VND và 7.958.887.630 VND. Do vậy chúng tôi cũng không xác định được tính đầy đủ và hợp lý của các khoản vay trên cũng như lãi vay phải trả tương ứng.

Số dư của Tài sản cố định khác (xem thuyết minh V.8) với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.911.751.840 VND và 1.279.707.149 VND là chênh lệch của tài sản từ giai đoạn cổ phần hóa. Chúng tôi không có đủ căn cứ để xác định tính đầy đủ và hợp lý của các tài sản trên.”

❖ Giải thích của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La về ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trên cơ sở ý kiến ngoại trừ của kiểm toán độc lập, CTCP Cấp nước Sơn La giải thích như sau:

- Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán độc lập tại BCTC năm 2015 được kiểm toán
Tài liệu về các khoản vay ODA cho dự án Jbic Mộc Châu và dự án Cấp thoát nước Yên Châu không được cung cấp cho kiểm toán do:
- + Nguồn vốn đầu tư dự án cấp nước Mộc Châu do Bộ Kế hoạch đầu tư vay từ tổ chức JBIC (Nhật Bản) sau đó cấp phát bằng vật tư (được đấu thầu tập trung với các dự án của tỉnh khác) và một phần bằng tiền, Dự án đã hình thành tài sản và đưa vào sử dụng từ năm 2005. Dự án đã được Sở Tài chính tỉnh Sơn La phê duyệt quyết toán nguồn vốn JBIC là 9.136.054.936 đồng, đơn vị đã hạch toán vào nguồn vốn vay 7.844.942.884 VND. Nguồn vốn này do nhà nước vay, chưa có quyết định giao vốn và chưa xác định được thời điểm trả nợ, Công ty phải chờ Quyết định của nhà nước. Chênh lệch hạch toán và quyết toán công trình là 1.291.112.052 đồng, do đơn vị hạch

toán chưa đủ nguồn vốn, doanh nghiệp cam kết hạch toán bổ sung trong năm 2017.

| TT | Các gói thầu được quyết toán theo Quyết định số 164/QĐ-STC ngày 26/11/2009 của Sở Tài chính Sơn La – Vốn JIBIC | Tổng quyết toán vốn nước ngoài được duyệt | Đã hạch toán vào vốn vay | Phải hạch toán bổ sung |
|------------------|--|---|--------------------------|------------------------|
| 1 | Trạm biến áp và đường dây | 122.518.000 | | 122.518.000 |
| 2 | Trạm xử lý và nhà điều hành sản xuất | 875.673.600 | | 875.673.600 |
| 3 | Lắp đặt thiết bị và tuyến ống | 7.151.764.116 | 7.151.764.116 | - |
| 4 | Phí tư vấn JBIC theo thông báo của Bộ kế hoạch và đầu tư | 292.920.452 | | 292.920.452 |
| 5 | Vật tư tồn kho | 693.178.768 | 693.178.768 | - |
| TỔNG CỘNG | | 9.136.054.936 | 7.844.942.884 | 1.291.112.052 |

+ Nguồn vốn đầu tư dự án cấp nước Yên Châu do Bộ Kế hoạch đầu tư thực hiện theo Hiệp định viện trợ của chính phủ ITALIA cho lĩnh vực nước và sau đó cấp phát bằng vật tư (được đấu thầu tập trung với các dự án của tỉnh khác), doanh nghiệp đã đầu tư nguồn vốn đối ứng để xây dựng, dự án đã hình thành tài sản và đưa vào sử dụng từ năm 2007, công trình chưa được phê duyệt quyết toán, đơn vị đã hạch toán vào nguồn vốn vay 7.958.887.630 VND tương đương giá trị vật tư đã nhận. Nguồn vốn này do nhà nước vay, chưa có quyết định giao vốn và chưa xác định được thời điểm trả nợ, Công ty phải chờ Quyết định của nhà nước.

+ Số dư của tài sản cố định khác: Với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.911.751.840 VND và 1.375.294.745 VND được kê trên sổ tài sản cố định khác gồm các tài sản sau:

(1) Chi phí QLDA, lập BC khả thi Yên Châu nguyên giá 109.803.039 đồng giá trị còn lại 68.881.865 đồng: Đây là một hạng mục công trình thuộc dự án cấp nước Yên Châu, dự án chưa có quyết định phê duyệt quyết toán, kế toán hạch toán gây hiểu nhầm do không phân bổ chi phí quản lý dự án vào các hạng mục công trình mà tách thành danh mục tài sản riêng. Do hạch toán gộp và xếp vào danh mục tài sản cố định khác nên kiểm toán không chấp nhận.

(2) Tài sản cố định khác Nguyên giá 1.801.948.801 đồng giá trị còn lại 1.306.412.880 đồng: Theo kết luận số 3155/KL-UBND ngày 31/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về kết quả thanh tra công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, công tác đánh giá, xác định giá trị doanh nghiệp chưa chính xác, nhiều tài sản được đánh giá thấp hơn quy định; Do nhiều tài sản phải điều chỉnh nguyên giá sau khi thanh tra, kế toán không điều chỉnh nguyên giá các tài sản mà gộp thành một tài sản và tính khấu hao. Do hạch toán gộp và xếp vào danh mục tài sản cố định khác nên kiểm toán không chấp nhận.

+ Số liệu đang phản ánh trên báo cáo tài chính là số liệu của Văn phòng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chưa bao gồm số liệu của các đơn vị phụ thuộc là do: Một số chi phí Công ty đã thanh toán khoán theo định mức cho các đơn vị và được tính vào chi phí năm 2015, tuy nhiên vào thời điểm cuối năm các chi nhánh chưa hoàn trả đầy đủ chứng từ về để tắt toán, năm 2016 các khoản này đã được hoàn trả chứng từ đầy đủ.

- **Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán độc lập tại BCTC năm 2016 được kiểm toán**

+ Tài liệu về các khoản vay ODA cho dự án Jbic Mộc Châu và dự án Cấp thoát nước Yên Châu không được cung cấp cho kiểm toán: *đã giải thích ở phần giải thích Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán độc lập tại BCTC năm 2015 được kiểm toán.*

+ Số dư của tài sản cố định khác: Với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.911.751.840 VND và 1.279.707.149 VND được kê trên sổ tài sản cố định khác gồm: *Như đã giải thích đã giải thích ở phần giải thích Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán độc lập tại BCTC năm 2015 được kiểm toán; Nguyên giá không thay đổi, giá trị còn lại 1.279.707.149 VND giảm 95.587.596 VND so với năm 2015 vì đã được trích khấu hao trong năm 2016.*

10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

❖ Vị thế của công ty trong ngành

Công ty là đơn vị cấp nước sạch lớn nhất ở Sơn La. Hiện nay, trên địa bàn Tỉnh Sơn La cũng có một số doanh nghiệp nhỏ cung cấp nước sạch, nhưng quy mô còn rất nhỏ, chưa đáng kể so với công suất sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty. So với các đơn vị trong ngành nói chung, Công ty cổ phần cấp nước Sơn La là một trong những công ty cấp nước có uy tín của khu vực miền Bắc.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Nước sạch là loại hàng hoá mang tính chất dịch vụ công cộng, sản phẩm sản xuất ra được nhân dân và các ngành kinh tế tiêu thụ ngay. Cũng do đặc điểm của sản phẩm nên đã tạo được khá nhiều thuận lợi cho công ty tiến hành hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Nước sạch là thứ hàng hóa không thể thiếu với tất cả mọi người, mọi ngành. Khi nền kinh tế ngày càng phát triển thì yêu cầu, đòi hỏi về vấn đề nước sạch ngày càng cao. Hiện nay có rất nhiều dự án tài trợ nhằm phát triển hệ thống cung cấp nước sạch cho xã hội, do vậy Công ty có nhiều triển vọng phát triển.

11. Chính sách đối với người lao động:

❖ **Cơ cấu lao động của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La:**

Bảng 12: Cơ cấu lao động

| TT | Cơ cấu lao động | Số lượng lao động 31/12/2016 |
|----|----------------------------------|---------------------------------|
| 1 | Trình độ đại học và trên đại học | 44 |
| 2 | Trình độ cao đẳng, trung cấp | 57 |
| 3 | Công nhân kỹ thuật | 166 |
| 4 | Lao động phổ thông | 6 |
| | Tổng | 273 |

Nguồn: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

❖ **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

Đối với doanh nghiệp sản xuất, yếu tố nguồn nhân lực có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Nhận thức được điều đó, Cấp nước Sơn La luôn chú trọng quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, đào tạo nguồn nhân công lao động trực tiếp. Hàng năm Công ty tổ chức các khóa đào tạo các cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cũng như chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty. Ngoài ra, để khuyến khích nâng cao tinh thần làm việc của người lao động, Cấp nước Sơn La luôn chú trọng tới đời sống cán bộ, công nhân viên, luôn cải tạo điều kiện làm việc nhằm đảm bảo cho cán bộ công nhân viên một môi trường làm việc thân thiện, gần gũi và hiệu quả.

12. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức theo quy định tại Điều 68, Điều lệ Tổ chức và hoạt động CTCP Cấp nước Sơn La, với một số nội dung chính như sau:

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Tỷ lệ cổ tức trong 2 năm gần nhất như sau: Tỷ lệ cổ tức năm 2014 là: 0% tương ứng với mức 0 đồng/cổ phần. Tỷ lệ cổ tức năm 2015 là: 5% tương ứng với mức 500 đồng/cổ phần

13. Tình hình hoạt động tài chính

13.1. Tình hình tài sản

Trong cơ cấu tài sản của công ty, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất và chủ yếu (hơn 80%), tiếp đến là hàng tồn kho, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác. Tài sản cố định lớn thể hiện đặc thù của doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước. Cơ cấu tài sản của công ty khá ổn định, không có sự thay đổi lớn qua các năm.

13.2. Cơ cấu nguồn vốn

Các nguồn vốn của công ty bao gồm: Vốn chủ sở hữu, nợ dài hạn và nợ ngắn hạn. Nhìn chung, tỉ trọng các nguồn vốn cũng ổn định qua các năm. Vốn chủ sở hữu của công ty chiếm khoảng 45% tổng nguồn vốn. Nợ dài hạn (bao gồm vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn) chiếm khoảng 90% tổng nguồn vốn. Như vậy, nguồn vốn dài hạn của công ty tương đương với giá trị tài sản dài hạn. Điều đó cho thấy, Công ty có cơ cấu nguồn vốn phù hợp với cơ cấu tài sản, tuân thủ nguyên tắc tài chính dùng nguồn vốn dài hạn tài trợ cho tài sản dài hạn.

13.3. Tình hình công nợ

Bảng 13: Các khoản nợ phải thu

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|---|----------------------|----------------------|-----------------------|
| I. Các khoản phải thu ngắn hạn | 7.697.510.158 | 8.589.740.554 | 10.247.171.208 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5.711.564.984 | 6.671.813.357 | 7.578.235.421 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 916.958.591 | 347.679.190 | 604.479.590 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | - | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | - | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | - | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 1.750.849.487 | 1.877.148.597 | 2.210.200.387 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | (681.862.904) | (306.900.590) | (145.744.190) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | - | - | - |
| II. Các khoản phải thu dài hạn | 975.000.000 | 1.350.000.000 | 1.350.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | - | - | - |

| CHỈ TIÊU | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|--|----------------------|----------------------|-----------------------|
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | - | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 975.000.000 | 1.350.000.000 | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | - | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | - | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | - | - | 1.350.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | - | - | - |
| TỔNG | 8.672.510.158 | 9.939.740.554 | 11.597.171.208 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Q3/2016 của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La)

Bảng 14: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| I. Nợ ngắn hạn | 12.538.510.563 | 12.745.510.864 | 16.290.511.203 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 394.262.733 | 157.418.733 | 4.364.070.707 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 256.602.299 | 439.817.562 | 150.000.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 541.046.897 | 835.971.657 | 402.816.625 |
| 4. Phải trả người lao động | 4.059.858.200 | 4.068.920.900 | 3.721.370.500 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 311.730.084 | 450.000.000 | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | - | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | - | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | - | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 381.428.975 | 33.589.450 | 775.117.267 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 6.138.140.170 | 6.307.301.357 | 6.325.025.508 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 455.441.205 | 452.491.205 | 552.110.596 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | - | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | - | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 56.300.739.580 | 51.176.653.448 | 45.268.955.399 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | - | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | - | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | - | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | - | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | - | - | - |

| CHỈ TIÊU | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | - | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | - | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 56.300.739.580 | 51.176.653.448 | 45.268.955.399 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | - | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | - | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | - | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | - | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | - | - | - |
| TỔNG | 68.839.250.143 | 63.922.164.312 | 61.559.466.602 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Cấp nước Sơn La)

13.4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Đơn vị | 31/12/2014 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|---|--------|------------|--------------|--------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | lần | 1,63 | 2,37 | 1,64 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | lần | 0,95 | 1,61 | 0,82 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| + Hệ số nợ/Tổng Tài sản | lần | 0,54 | 0,49 | 0,44 |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | lần | 1,20 | 0,95 | 0,79 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | vòng | N/A | 9,70 | 7,87 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | vòng | N/A | 0,84 | 0,86 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| + Hệ số LN sau thuế/DT thuần | | 1,28% | 6,95% | 10,98% |
| + Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | | N/A | 11,99% | 17,65% |
| + Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân | | N/A | 5,81% | 9,48% |
| + Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần | | 0,38% | 6,19% | 11,24% |
| + Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | 194 | 1.173 | 2.016 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La)

14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

14.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 16: Tài sản cố định của Công ty thời điểm 31/12/2016

| Loại TSCĐ | Nguyên giá (VNĐ) | Khấu hao (VNĐ) | Giá trị còn lại (VNĐ) |
|----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 30.963.214.557 | 19.288.803.514 | 11.674.411.043 |
| Máy móc thiết bị | 126.405.495.985 | 82.273.844.031 | 44.131.651.954 |
| Phương tiện VT, truyền dẫn | 62.770.594.473 | 25.892.028.216 | 36.878.566.257 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 538.456.103 | 505.404.441 | 33.051.662 |
| Tài sản cố định khác | 1.911.751.840 | 632.044.691 | 1.279.707.149 |
| Tổng | 222.589.512.958 | 128.592.124.893 | 93.997.388.065 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của CTCP Cấp nước Sơn La)

Công ty chỉ có tài sản cố định hữu hình, không có tài sản vô hình do các Quyền sử dụng đất của Công ty đều là đất được giao trả tiền thuê đất hàng năm, hiện nay không phải trả tiền thuê đất do chính sách của nhà nước đối với doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nước sạch. Công ty có hệ thống nhà máy xử lý và cấp nước trải rộng trên địa bàn toàn tỉnh do đó trong cơ cấu tài sản cố định hữu hình, máy móc và phương tiện vận tải truyền dẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (hơn 80% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình).

14.2. Tình hình quản lý, sử dụng đất đai

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La đến thời điểm hiện nay đang quản lý, sử dụng 38 thửa đất:

❖ Thửa đất số 1:

- Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 200,0 m²
- Thửa đất được được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00480/QSĐĐ ngày 19/03/2003, mục đích sử dụng đất: xây dựng văn phòng làm việc của chi nhánh cấp nước huyện Bắc Yên, thời hạn sử dụng đất 20 năm đến 19/3/2023, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ Thửa đất số 2:

- Địa chỉ: Tiểu khu II, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 132,6 m².
- Thửa đất được được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00037 ngày 31/07/2012, mục đích sử dụng đất: đất thủy lợi xây dựng trạm xử lý nước huyện Bắc Yên, thời hạn sử dụng đất 50 năm, đến hết 01/8/2052, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ Thửa đất số 3:

- Địa chỉ: Tiểu khu III, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 1.314,0m².
- Thửa đất được được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00035 ngày 31/07/2012, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm xử lý nước tại huyện Bắc Yên, thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày 01/8/2002 đến hết ngày 01/8/2052, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 4:**

- Địa chỉ: Tiểu khu 9, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 615,0 m².
- Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 421/QSDĐ ngày 28/1/2010, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (trạm xử lý nước), thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 24/07/2001 đến hết ngày 24/07/2021, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 5:**

- Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Mộc châu, huyện Mộc châu, Tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 296,2 m².
- Thửa đất do UBND tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00555 QSDĐ ngày 14/4/2004, thời gian sử dụng đất 20 năm từ ngày 14/4/2004 đến hết ngày 14/4/2024, mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (trạm cấp nước), nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 6:**

- Địa chỉ: thị trấn Mộc châu, huyện Mộc châu, Tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 800 m².
- Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 42QSDĐ/TĐ ngày 8/1/1998, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (trạm xử lý nước), thời hạn sử dụng đất từ ngày 01/01/2001 đến hết ngày 1/01/2016, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị.*) Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).

❖ **Thửa đất số 7:**

- Địa chỉ: Xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 754 m².
- Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 35QSDĐ/TĐ ngày 08/01/1998, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (trạm xử lý nước), thời hạn sử dụng đất từ ngày 01/01/1996 đến hết ngày 01/01/2016, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*) . Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).

❖ **Thửa đất số 8:**

- Địa chỉ: Bản Mo Nghè, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 2162 m².
- Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05 QSDĐ/TĐ ngày 23/06/1997, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (xây dựng công trình cấp nước), thời hạn sử dụng đất 30 năm từ ngày 23/06/1997 đến hết ngày 01/01/2027, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 9:**

- Địa chỉ: Thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 264 m².
- Thừa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 36 QSDĐ/TĐ ngày 8/01/1998, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (xây dựng công trình cấp nước), thời hạn sử dụng đất từ ngày 01/01/1996 đến hết ngày 01/01/2016, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*). Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).
- ❖ **Thừa đất số 10:**
 - Địa chỉ: Phường Chiềng Lè, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 433,5 m².
 - Thừa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 48 QSDĐ/TĐ ngày 8/01/1998, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (xây bể nước 500 m³), thời hạn sử dụng đất từ ngày 01/01/1996 đến hết ngày 01/01/2016, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*). Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).
- ❖ **Thừa đất số 11:**
 - Địa chỉ: Xã Chiềng Cơi, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 222 m². Thừa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00479 QSDĐ ngày 19/03/2003, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm bơm nước, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 19/03/2003 đến hết ngày 19/03/2023, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)
- ❖ **Thừa đất số 12:**
 - Địa chỉ: Km6, xã Chiềng Sinh, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 334,5 m². Thừa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm xử lý nước, thời hạn sử dụng đất 30 năm từ ngày 09/03/2006 đến hết ngày 09/03/2036, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)
- ❖ **Thừa đất số 13:**
 - Địa chỉ: Km 10 QL6, xã Chiềng Sinh, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 396,5 m². Thừa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm xử lý nước, thời hạn sử dụng đất 30 năm từ ngày 09/03/2006 đến hết ngày 09/03/2036, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)
- ❖ **Thừa đất số 14: Nhà máy xử lý TP1**
 - Địa chỉ: Tổ 6, Phường Chiềng Lè, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Diện tích: 3.567 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00037 QSDĐ/2995/QĐ IT/2001 ngày 14/11/2001, mục đích sử dụng đất: xây dựng nhà máy xử lý nước, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 14/11/2001 đến 14/11/2021, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)
- ❖ **Thửa đất số 15: Trạm bơm Chiềng Sinh**
 - Địa chỉ: xã Chiềng Sinh, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 380 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00048 QSDĐ/822/QĐIT/2000 ngày 15/05/2000, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 15/05/2000 đến hết ngày 15/05/2019, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)
- ❖ **Thửa đất số 16: Trụ sở văn phòng Công ty**
 - Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 280 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 47 QSDĐ/TĐ ngày 8/01/1998, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (Văn phòng Công ty), thời hạn sử dụng đất từ ngày 01/01/1996 đến hết ngày 01/01/2016, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm. Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).
- ❖ **Thửa đất số 17: Đài điều hòa**
 - Địa chỉ: Bản Giăng, P.Quyết Thắng, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 683 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00442 QSDĐ/229/QĐ IT/2002 ngày 25/01/2002, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (xây đài điều hòa lưu lượng áp lực nước), thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 25/01/2002 đến hết ngày 25/01/2022, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)
- ❖ **Thửa đất số 18: Trạm bơm Huổi Hin**
 - Địa chỉ: Phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 524 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 49 QSDĐ/TĐ ngày 8/01/1998, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm bơm, thời hạn sử dụng đất từ ngày 01/01/1996 đến hết ngày 01/01/2016, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*). Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).
- ❖ **Thửa đất số 19: Trạm bơm km5**
 - Địa chỉ: Phường Quyết Thắng, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Diện tích: 82 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 45 QSDĐ/TĐ ngày 8/01/1998, mục đích sử dụng đất xây dựng trạm bơm, thời hạn sử dụng đất từ 1/1/1996 đến ngày 01/01/1996, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*) Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).
- ❖ **Thửa đất số 20: Trạm bơm km7**
 - Địa chỉ: Phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 532 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 50 QSDĐ/TĐ ngày 8/01/1998, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm bơm Km7, thời hạn sử dụng đất từ ngày 01/01/1996 đến hết ngày 01/01/2016, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*) Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).
- ❖ **Thửa đất số 21: Trạm bơm Chiềng Ngần**
 - Địa chỉ: Bản Híp, xã Chiềng Ngần, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 600 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00491 QSDĐ/1678/QĐIT/2003 ngày 10/06/2003, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm bơm tăng áp, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 10/06/2003 đến hết ngày 10/06/2023, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)
- ❖ **Thửa đất số 22:**
 - Địa chỉ: Phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 3963 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 46 QSDĐ/TĐ ngày 8/01/1998, mục đích sử dụng đất: xây dựng khu xử lý nước, thời hạn sử dụng đất từ ngày 01/01/1996 đến hết ngày 01/01/2016, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*) Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).
- ❖ **Thửa đất số 23: Trụ sở chi nhánh CN Yên Châu**
 - Địa chỉ: Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 104,5 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 415 QSDĐ ngày 23/05/2001, mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất kinh doanh (trụ sở làm việc), thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 23/05/2001 đến hết ngày 23/05/2021, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)
- ❖ **Thửa đất số 24: Hồ bơi Mai Sơn**
 - Địa chỉ: Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 1371 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00481 QSDĐ/1093/QĐIT/2003 ngày 18/04/2003, mục đích sử dụng đất: xây dựng hồ bơi, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 18/04/2003 đến hết ngày 18/04/2023, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm.

❖ **Thửa đất số 25: Trạm bơm 19/5**

- Địa chỉ: Tiểu khu 19/5, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 1293 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00490 QSDĐ/1679 QĐIT/2002 ngày 10/06/2003, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm bơm bể chứa đường vào trạm, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 10/06/2003 đến hết ngày 10/06/2023, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 26: Trạm bơm Cò Nòi**

- Địa chỉ: xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 289 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 37 QSDĐ/TĐ ngày 8/01/1998, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm xử lý nước ngầm, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 03/07/1998 đến hết ngày 3/7/2018, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 27: Trạm chính xử lý nước mai Sơn**

- Địa chỉ: Tiểu khu II, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 3000 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 318 QSDĐ ngày 17/04/1999, mục đích sử dụng đất: xây dựng nhà máy xử lý nước, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 17/04/1999 đến hết ngày 17/04/2019, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 28: Trạm bơm cấp 1**

- Địa chỉ: tiểu khu I, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 42,5 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 319 QSDĐ ngày 17/04/1999, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm bơm cấp I, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 17/04/1999 đến hết ngày 17/04/2019, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 29: Trạm bơm Nà Sản**

- Địa chỉ: xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 600 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00373 QSDĐ ngày 25/09/1999, mục đích sử dụng đất: xây dựng trạm cấp nước sinh hoạt và sản xuất, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 25/09/1999 đến hết ngày 25/09/2029, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 30: Trạm bơm Nà Lốc Mường La**

- Địa chỉ: Bản Nà Lốc, xã Nặm Păm, huyện Mường La, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 990 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 00608 ngày 10/01/2005, mục đích sử dụng đất: xây dựng bể lọc nước, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 10/01/2005 đến hết ngày 10/01/2025, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 31: Nhà Văn phòng chi nhánh Mường La**

- Địa chỉ: Huyện Ly, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 394 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 40 QSDĐ/TĐ ngày 8/01/1998, mục đích sử dụng đất: xây dựng văn phòng chi nhánh, trong đó có 112 m² có thời hạn sử dụng đất 5 năm kể từ ngày 01/01/1996 và 282 m² có thời hạn sử dụng 20 năm kể từ ngày 01/01/1996, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm. Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).

❖ **Thửa đất số 32:**

- Địa chỉ: Bản Hua Ít, xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 464,6 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00562 QSDĐ/1634/QĐIT ngày 17/06/2004, mục đích sử dụng đất: xây dựng cơ sở xử lý nước sinh hoạt, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 17/06/2004 đến hết ngày 17/06/2024, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 33: Trạm xử lý nước Sông Mã**

- Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 1759 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00032 ngày 16/10/2007, mục đích sử dụng đất: xây dựng khu xử lý nước và nhà máy, thời hạn sử dụng đất 30 năm từ ngày 06/09/2007 đến hết ngày 06/09/2037, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 34: Bể áp lực Sông Mã**

- Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 520 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00031 ngày 16/10/2007, mục đích sử dụng đất: xây dựng bể áp lực, thời hạn sử dụng đất 30 năm từ ngày 06/09/2007 đến hết ngày 06/09/2037, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 35:**

- Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.
- Diện tích: 201 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00030 ngày 16/10/2007, mục đích sử dụng đất: xây dựng trụ sở làm việc chi nhánh cấp nước Sông Mã, thời hạn sử dụng đất 30 năm từ ngày 06/09/2007 đến hết ngày 06/09/2037, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

❖ **Thửa đất số 36: Trạm bơm cấp 1**

- Địa chỉ: Xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Diện tích: 96 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 44/QSDĐ/TĐ ngày 08/01/1998, mục đích sử dụng đất: xây dựng bể áp lực, thời hạn sử dụng đất từ ngày 01/01/1996 đến hết ngày 01/01/2016, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*) Hiện đang thực hiện đề nghị gia hạn thêm thời gian là 50 năm (01/01/2016-31/12/2065).
- ❖ **Thửa đất số 37: Văn phòng chi nhánh**
 - Địa chỉ: thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 165 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00376 QSDĐ/3227/Q/T/1999 ngày 22/12/2007, mục đích sử dụng đất: làm văn phòng giao dịch, thời hạn sử dụng đất 20 năm từ ngày 22/12/1999 đến hết ngày 22/12/2019, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm
- ❖ **Thửa đất số 38: Trạm xử lý**
 - Địa chỉ: Xã Chiềng Ly, Huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.
 - Diện tích: 436 m². Thửa đất được UBND nhân dân tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00645 ngày 09/03/2006, mục đích sử dụng đất: xây dựng bể áp lực, thời hạn sử dụng đất 30 năm từ ngày 09/03/2006 đến hết ngày 09/03/2036, nguồn gốc sử dụng: nhà nước giao đất có thu tiền thuê đất hàng năm (*hiện nay đang được nhà nước miễn tiền thuê đất đối với các diện tích đất sử dụng xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt đô thị*)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017

Bảng 17: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | | Năm 2017 | |
|--------------------|-----------|-----------|-------------------------|----------|-------------------------|
| | Thực hiện | Thực hiện | % tăng giảm so với 2015 | Kế hoạch | % tăng giảm so với 2016 |
| Doanh thu thuần | 107.668 | 117.127 | 8,79% | 125.000 | 6,72% |
| Lợi nhuận sau thuế | 7.485 | 12.860 | 71,82% | 14.364 | 11,70% |
| Tỷ lệ LNST/DTT | 6,95% | 10,98% | 57,94% | 11,49% | 4,66% |
| Tỷ lệ LNST/VCSH | 11,11% | 16,42% | 47,71% | 16,02% | -2,42% |
| Cổ tức | 5% | 5% | 0% | 5% | 0% |

(Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La)

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện

(Không có)

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017 công ty sẽ cải tiến và nâng cao chất lượng công tác tổ chức, công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, công tác giảm nước thất thoát, thất thu, công tác cấp nước an toàn, công tác tài chính, công tác lao động và tiền lương cụ thể:

❖ Công tác tổ chức:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, luân chuyển và tạo nguồn cán bộ.

- Duy trì việc thực hiện các nội qui, qui định của công ty.
- Thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật kịp thời.
- ❖ **Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:**
- Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ để các đơn vị thực hiện đúng pháp luật nhà nước và quy định của Công ty.
- Đổi mới công tác giao ban tại các đơn vị sản xuất cũng như công ty để xử lý kịp thời, dứt điểm các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.
- ❖ **Công tác giảm nước thất thoát, thất thu:**
- Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát, áp dụng các giải pháp đồng bộ, hiệu quả và có tác dụng bền vững.
- Ứng dụng tin học và công nghệ mới cho công tác chống thất thoát.
- Có kế hoạch đào tạo đội ngũ nhân viên được tiếp cận, học hỏi và ứng dụng thành thạo phương pháp và trang thiết bị hiện đại dùng cho công tác chống thất thoát thất thu.
- ❖ **Công tác cấp nước an toàn:**
- Tập trung cao cho công tác cấp nước an toàn ở phạm vi toàn công ty, mỗi đơn vị phải xây dựng được kế hoạch cấp nước an toàn để thực hiện. Có giải pháp ngăn ngừa các nguy cơ mất an toàn đối với nguồn nước, mạng lưới và chất lượng sản phẩm.
- Đầu tư cải tạo nâng cấp các trạm xử lý, trang bị các thiết bị kiểm soát chất lượng nước để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- ❖ **Công tác tài chính:**
- Đảm bảo công tác tài chính thực hiện các nhiệm vụ của Công ty.
- Cải tiến nâng cao chất lượng của công tác kế toán quản trị nhằm đáp ứng các mục tiêu.
- ❖ **Công tác lao động và tiền lương:**
- Làm tốt công tác quản lý và sử dụng lao động trong toàn công ty, duy trì từ việc thực hiện các nội quy, quy định của công ty đến việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước quy định như Luật lao động, chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...
- Rà soát lại các định mức lao động, đơn giá khoán, áp dụng phù hợp với từng thời điểm và điều kiện sản xuất của từng đơn vị để đảm bảo bình đẳng và khuyến khích được người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hiệu quả làm việc

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

(Không có)

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 7 thành viên. Các thành viên hội đồng quản trị bao gồm:

Bảng 18: Danh sách thành viên HĐQT

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|-------------------|
| 1. | Ông Nguyễn Trọng Hiếu | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Ông Lương Thế Công | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. | Ông Nguyễn Văn Bá | Thành viên HĐQT |

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|-----------------|
| 4. | Ông Bùi Văn Đính | Thành viên HĐQT |
| 5. | Ông Nguyễn Tiến Hán | Thành viên HĐQT |
| 6. | Ông Nguyễn Văn Hồng | Thành viên HĐQT |
| 7. | Ông Hoàng Sỹ Thành | Thành viên HĐQT |

Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La

1) Ông NGUYỄN TRỌNG HIẾU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1/12/1973
- Nơi sinh: Thanh Oai – Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: SN 11, Ngõ 44, Phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- CMND số: 011896161 - Nơi cấp: CATP Hà Nội Ngày cấp: 3/7/2006
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - o Tổng giám đốc – Công ty CP đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam (VBIC)
 - o Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Tài chính - Hội Cấp thoát nước Việt Nam
- Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|---------------|
| 04/2016 – đến nay | Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Việt Nam | Tổng Giám đốc |
| 12/2015 – đến nay | Công ty CP cấp nước Sơn la | Chủ tịch HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: không
 - ✓ Sở hữu đại diện: Công ty CP đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: 2.229.270 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 36,79% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2) Ông LƯƠNG THẾ CÔNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/8/1964
- Nơi sinh: Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 6, phường Quyết Thắng, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050228311 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 28/6/2007
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó chủ tịch HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|----------------------|--|------------------------|
| 11/1989-11/1990 | Xí nghiệp điện nước Mai Sơn | Tổ trưởng xây lắp; |
| 12/1990-04/1993 | Xí nghiệp công nghiệp nước Mai Sơn | Cán bộ kỹ thuật; |
| 05/1993-02/1997 | Phòng kế hoạch kỹ thuật; Công ty Cấp nước Sơn La | Cán bộ |
| 03/1997-09/1997 | Công ty Cấp nước Sơn La | Đội phó đội xây lắp |
| 10/1997-06/1998 | Công ty Cấp nước Sơn La | Đội trưởng đội xây lắp |
| 07/1998-03/1999 | - kỹ thuật Công ty Cấp nước Sơn La | Phó phòng kế hoạch |
| 04/1999-02/2000 | Xí nghiệp cấp nước Thị xã Sơn La | Phó giám đốc |
| 03/2000-06/2001 | Ban chủ nhiệm dự án hiện đại hóa HTCN Thị xã Sơn La | Thành viên |
| 07/2001-11/2003 | Phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp nước Sơn La | Trưởng phòng |
| 12/2003-9/2004 | Ban quản lý các dự án cấp nước Công ty Cấp nước Sơn La | Trưởng ban |
| Từ 01/9/2004- 5/2005 | Công ty Cấp nước Sơn La. | Phó giám đốc |
| Từ 5/2005- đến nay | Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La. | Phó giám đốc |

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Sơn La: 1.575.500 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 26% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

3) Ông NGUYỄN VĂN BÁ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 4/11/1963
- Nơi sinh: Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tiểu khu 4, Thị trấn Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050367435 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 10/8/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|----------------------|--------------------------------|--------------------|
| 1983 -1986 đi bộ đội | Trương hạ sỹ quan quân đoàn 3 | Thiếu úy |
| 1986- 1988 | Công tyXD Mộc Châu | Công nhân |
| 1988 -1993 | Xí Nghiệp Cơ khí điện, nước MC | Công nhân |
| 1993 -2005 | Chi nhánh cấp nước Mộc Châu | Phó chi nhánh |
| 2005 - 2015 | Chi nhánh cấp nước MC | Giám đốc chi nhánh |
| 2015 – đến nay | Văn phòng Công ty CPCN Sơn la | Phó tổng Giám đốc |

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 1.514.910 (tỷ lệ sở hữu: 25% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

4) Ông BÙI VĂN ĐÍNH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/3/1958
- Nơi sinh:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường chiềng lè, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050319911 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 9/6/2008
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP SVBIC
- Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|--------------------------|-------------------|
| 9/1982 – 5/1988 | Ủy ban XD CB tỉnh Sơn la | Nhân viên |
| 6/1988 – 3/1989 | Sở xây dựng Sơn la | Nhân viên |
| 4/1989 – 3/1990 | Công ty XD I Sơn la | Phó phòng KHKT |
| 4/1990 – 7/1993 | Công ty XD I Sơn la | Trưởng phòng KHKT |
| 8/1993 – 4/2005 | Công ty cấp nước Sơn la | Phó giám đốc |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|----------------------------|---------------|
| 5/2005 – 6/2012 | Công ty CP cấp nước Sơn la | Giám đốc |
| 7/2012 – 11/2015 | Công ty CP cấp nước Sơn la | Chủ tịch HĐQT |
| 12/2015 – đến nay | Công ty CP cấp nước Sơn la | Tổng giám đốc |
| | | |

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: không
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

5) Ông NGUYỄN TIẾN HẮN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/7/1957
- Nơi sinh: Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050466401 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 4/9/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|---|--------------------------------------|
| 04/1982-12/1982 | Trung tâm giống bò sữa Hà Lan Sao đỏ - Sơn La | Cán bộ Kỹ thuật |
| 01/1983-8/1989 | Xí nghiệp Cơ Điện Mộc Châu | Trưởng phòng KHKT |
| 8/1989-6/1992 | Xí nghiệp Cơ Điện Mộc Châu | Phó GD xí nghiệp |
| 7/1992-10/1995 | Xí nghiệp Xây dựng và Cơ Điện Mộc Châu | Trưởng phòng Quản lý sản xuất |
| 11/1995-4/1999 | Xí nghiệp Xây dựng và Cơ Điện Mộc Châu | Đội phó Đội xi măng |
| 5/1999-6/2005 | Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La | Giám đốc chi nhánh cấp nước Mộc Châu |
| 7/2005-6/2007 | Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La | Trưởng phòng |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---------------|---------------------------------|----------------------------------|
| | | KHKT |
| 7/2007-6/2012 | Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La | Cán bộ văn phòng |
| 7/2012-nay | Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc |

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: không
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

6) Ông NGUYỄN VĂN HỒNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/1/1967
- Nơi sinh: Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 50, ngõ 105, tổ 45, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 011751556 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 2/11/2006
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - o Giám đốc Công ty cổ phần MILLS Việt Nam
 - o Ủy viên HĐQT Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam (VBIC)
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|---|--|
| 04/1990 -12/2014 | Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam (VIWASEEN). | Giám đốc Trung Tâm/ Chi Nhánh Kinh Doanh Vật tư chuyên ngành Cấp Thoát nước. |
| 01/2015 - nay | Công ty CP Mills Việt Nam | Giám đốc Công ty |
| | | |

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

7) Ông HOÀNG SỸ THÀNH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/9/1973
- Nơi sinh: Hưng Nguyên, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P309, B4 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 012375829 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 03/12/2010
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 (CIC 319)
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------------------|--|-------------------|
| Từ năm 1998 đến năm 2008 | Công ty Xây dựng Cấp thoát nước (Waseenco) | Nhân viên |
| Từ năm 2007 đến năm 2008 | Tổng Công ty Viwaseen – Chi nhánh Kinh doanh | Phó Giám đốc CN |
| Từ năm 2008 đến năm 2009 | Công ty Cổ phần Viwaseen 6 | Phó Giám đốc Cty |
| Từ năm 2009 đến năm 2013 | Công ty Cổ phần Viwamex-Viwaseen | Giám đốc Cty |
| Từ năm 2013 đến năm 2015 | Công ty Cổ phần Viwapico-Vinaconex | Phó Tổng Giám đốc |
| Từ năm 2015 đến nay | Công ty CP Đầu tư Xây dựng 319 (CIC 319) | Giám đốc Cty |

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2. Cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát

Bảng 19: Danh sách thành viên BKS

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|----------------------|
| 1. | Ông Trần Quyết Chiến | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. | Bà Giang Hồng Hạnh | Thành viên BKS |
| 3. | Ông Bùi Hồng Nam | Thành viên BKS |

Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La

1) Ông TRẦN QUYẾT CHIẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/8/1973

- Nơi sinh: Ứng Hòa, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: : Tổ 6, P Chiềng Lè, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050311705 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 17/6/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP SVBIC Sơn La
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------------|--|---|
| 19/12/1990-12/1994 | Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La | Nhân viên |
| 12/1994-8/1996 | Công ty xí măng Sơn La | Kế toán viên |
| 8/1996-1/19997 | Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La | Kế toán viên |
| 1/1997-nay | Công ty cổ phần cấp nước Sơn La | -Nhân viên kế toán -Phó phòng kế toán -Trưởng ban kiểm soát |

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: Không
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: Cao Thị Oanh sở hữu 2.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,03% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là vợ)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2) Bà GIANG HỒNG HẠNH

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 11/10/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số nhà 37, phố Hồng Phúc, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội.
- CMND số: 011785820 - Nơi cấp: CA TP Hà Nội Ngày cấp: 04/06/2009
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế 1994 -1998 - Trường đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện tài chính)
Thạc sỹ kinh tế 2002 -2005 - Trường Đại học kinh tế quốc dân
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kiểm soát viên
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam

- Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|----------------------|---|---|
| Từ 7/1198 đến 1/2014 | Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam | Kế toán viên, phó phòng kế toán, Kế toán trưởng |
| Từ 4/2014 đến nay | Công ty cổ phần Đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam | Kế toán trưởng |

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng:

3) Ông BUI HỒNG NAM

- Giới tính: : Nam
- Ngày sinh: 09/10/1975
- Nơi sinh:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 3 –P Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050345933 Nơi cấp: Công an Sơn La Ngày cấp: 26/10/2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Tài chính Doanh nghiệp Sở tài chính Sơn La
- Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|---|---|
| 3/1995 – 10/2001 | Công ty Du lịch khách sạn Sơn La | Nhân viên |
| 11/2001- 4/2008 | Phòng kế hoạch Công ty sách thiết bị trường học tỉnh Sơn La | Nhân viên |
| 5/2008- 01/2013 | Phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Sơn La | Chuyên viên |
| 01/2013- 02/2015 | Sở Tài chính tỉnh Sơn La | Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp |
| 01/2015-02/2016 | Sở Tài chính tỉnh Sơn La | Phụ Trách Phòng Tài chính doanh nghiệp |
| 01/2015-nay | Sở Tài chính tỉnh Sơn La | Bì Thư Chi bộ III- thuộc Đảng ủy Sở Tài chính |
| 04/2015 - nay | Sở Tài chính tỉnh Sơn La | Đảng ủy viên – Đảng ủy Sở Tài chính |
| 01/206 - nay | Công ty cổ phần cấp nước Sơn | Kiểm soát viên |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---------------|--------------------------|-------------------------------------|
| | La | |
| 02/2016 – nay | Sở Tài chính tỉnh Sơn La | Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp |

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 20: Danh sách thành viên BGD và KTT

| TT | Họ và tên | Chức vụ |
|----|---------------------|-------------------|
| 1. | Ông Bùi Văn Đính | Tổng Giám đốc |
| 2. | Ông Lương Thế Công | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông Nguyễn Văn Bá | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Ông Nguyễn Tiến Hán | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | Kim Ngọc Nhiệm | Kế toán trưởng |

Nguồn: Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La

1) Ông BÙI VĂN ĐÍNH

(đã trình bày ở phần về Các thành viên Hội đồng quản trị)

2) Ông LƯƠNG THẾ CÔNG

(đã trình bày ở phần về Các thành viên Hội đồng quản trị)

3) Ông NGUYỄN VĂN BÁ

(đã trình bày ở phần về Các thành viên Hội đồng quản trị)

4) Ông NGUYỄN TIẾN HÁN

(đã trình bày ở phần về Các thành viên Hội đồng quản trị)

5) Kế toán trưởng: KIM NGỌC NHIỆM

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/09/1960
- Nơi sinh: Chương Mỹ Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, phường Tô Hiệu, TP Sơn La
- CMND số: 050217496, Nơi cấp: CA Sơn La, Ngày cấp: 19/03/2010
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty CP VBIC Sơn La

- Quá trình công tác

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------------------|----------------------------------|-------------------|
| Từ năm 1979 đến năm 1987 | C.ty cung ứng vật liệu XD Sơn La | Nhân viên kế toán |
| Từ năm 1988 đến năm 1994 | Sở Xây dựng Sơn La | Nhân viên VP |
| Từ năm 1995 đến năm 1996 | C.ty xây CP xây dựng số 1 Sơn La | Nhân viên kế toán |
| Từ năm 1996 đến năm 1997 | C.ty CP xây dựng số 1 Sơn La | Kế toán trưởng |
| Từ năm 1998 đến nay | Công ty cổ phần cấp nước Sơn La | Kế toán trưởng |

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ).
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: Không
 - ✓ Sở hữu chứng khoán của người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

3.1. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để phù hợp với định hướng phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La sẽ chú trọng đến công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là quản trị nguồn nhân lực.

Trước tiên, Công ty sẽ tiến hành tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp. Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá doanh nghiệp.

Công ty cũng sẽ tiến hành xây dựng phương pháp quản trị doanh nghiệp một cách toàn diện và hiệu quả. Xây dựng cơ chế, quy chế quản trị phù hợp với các chuẩn mực tiên tiến cho Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty từ việc quản trị chi phí, quản trị tài chính, quản trị kế hoạch sản xuất, quản trị thiết bị - tài sản, quản trị nhân sự ... để nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Xây dựng, cải tiến các tiêu chuẩn quản lý chất lượng cho các qui trình nghiệp vụ, phương án giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đồng thời, Công ty sẽ chú trọng tới việc nâng cao năng lực nhân sự thông qua các khóa đào tạo, đào tạo lại đội ngũ CBCNV; có chính sách thu hút nhân lực trình độ cao về Công ty làm việc; xây dựng lại quy chế tiền lương, tiền thưởng đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, phát huy tối đa năng lực của người lao động.

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính năm 2015 và năm 2016 đã kiểm toán



Sơn La, ngày 07 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY ĐẠI CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN TRỌNG HIẾU

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN QUYẾT CHIẾN

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI VĂN ĐỈNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KIM NGỌC NHIỆM

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB**

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÉ MINH